

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 NĂM 2025**

HÀ NỘI - 2025

Công ty Cổ phần Vicostone

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 vào ngày 16 tháng 01 năm 2025.

Ngày 5 tháng 12 năm 2007, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội) với mã chứng khoán là VCS theo Quyết định Niêm yết số 670/QĐ-TTGDHN cho phép của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch
Ông Phạm Trí Dũng	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên
Bà Trần Lan Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Hưng	Chủ tịch
Bà Trần Lan Phương	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đồng Quang Thức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phạm Trí Dũng được Ông Hồ Xuân Năng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho Quý 3 Năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 2702/2023 UQ/VCS-CTHĐQT ngày 27 tháng 2 năm 2023.

Công ty Cổ phần Vicostone

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho Quý 3 Năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính Quý 3 Năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Công ty con cho Quý 3 Năm 2025.

Công ty Cổ phần Vicostone

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phạm Trí Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.866.605.318.072	5.334.185.991.759
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.987.323.301.864	1.553.901.360.467
1. Tiền	111		384.123.301.864	315.801.360.467
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.603.200.000.000	1.238.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		868.000.000.000	670.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	868.000.000.000	670.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.321.299.285.693	1.267.712.055.549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.306.704.507.904	1.266.586.748.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.896.975.913	13.660.801.613
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	7.902.352.251	5.504.263.291
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(20.204.550.375)	(18.039.757.715)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	1.544.387.314.771	1.772.704.623.731
1. Hàng tồn kho	141		1.605.242.403.434	1.810.379.073.353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(60.855.088.663)	(37.674.449.622)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		145.595.415.744	69.867.952.012
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	3.395.621.916	2.293.570.309
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		129.390.183.353	67.574.381.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		12.809.610.475	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		421.817.963.314	529.450.519.310
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		715.761.500	45.043.093.500
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	45.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	715.761.500	43.093.500
II. Tài sản cố định	220		355.391.488.004	347.065.779.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	354.513.791.432	345.664.840.389
- Nguyên giá	222		1.678.473.005.249	1.601.891.069.905
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.323.959.213.817)	(1.256.226.229.516)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	877.696.572	1.400.938.760
- Nguyên giá	228		30.559.537.247	30.559.537.247
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29.681.840.675)	(29.158.598.487)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.245.612.164	76.840.093.167
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	5.245.612.164	76.840.093.167
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.000.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	50.000.000.000	50.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.465.101.646	10.501.553.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	10.465.101.646	10.501.553.494
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		6.288.423.281.386	5.863.636.511.069

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		1.446.768.452.740	1.216.648.952.958
I. Nợ ngắn hạn	310		1.444.469.571.220	1.214.704.942.958
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	108.709.213.911	128.326.631.066
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.832.807.779	15.294.508.261
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	840.061.096	100.355.714.626
4. Phải trả người lao động	314		9.625.344.780	7.188.971.757
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.928.366.404	2.348.930.393
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	2.921.853.819	4.873.515.862
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	1.264.140.609.369	894.988.374.159
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	32.471.314.062	61.328.296.834
II. Nợ dài hạn	330		2.298.881.520	1.944.010.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.298.881.520	1.944.010.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.841.654.828.646	4.646.987.558.111
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	4.841.654.828.646	4.646.987.558.111
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.600.000.000.000	1.600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.600.000.000.000	1.600.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		290.584.886	290.584.886
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		82.633.596.291	87.711.466.023
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.158.730.647.469	2.958.985.507.202
- LNST chưa phân phối năm trước	421a		2.943.255.236.364	2.913.408.277.021
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		215.475.411.105	45.577.230.181
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		6.288.423.281.386	5.863.636.511.069

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Anh



Tổng Giám đốc



Phạm Trí Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	TM	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 3	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	5.1	894.731.194.111	881.709.968.765	2.914.584.403.120	2.986.749.186.399
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.383.062.187	1.681.573.727	8.025.045.203	3.429.602.839
3. Doanh thu thuần	10		893.348.131.924	880.028.395.038	2.906.559.357.917	2.983.319.583.560
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	692.222.359.521	671.309.114.277	2.233.423.405.240	2.246.422.198.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		201.125.772.403	208.719.280.761	673.135.952.677	736.897.385.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	28.978.142.483	51.222.583.776	193.037.148.490	112.196.405.327
7. Chi phí tài chính	22	5.4	15.524.389.236	19.401.146.719	41.691.710.153	41.898.600.978
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.421.096.839	7.122.836.279	28.769.594.583	22.708.699.046
8. Chi phí bán hàng	25	5.7	48.159.710.821	40.662.447.521	134.430.267.742	110.347.655.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	14.966.714.985	11.148.874.131	38.386.330.299	35.318.970.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		151.453.099.844	188.729.396.166	651.664.792.973	661.528.563.129
11. Thu nhập khác	31	5.5	121.201.669	271.081.996	294.455.020	538.507.435
12. Chi phí khác	32	5.6	3.705.602.004	2.962.290.398	8.795.690.174	5.008.791.621
13. Lợi nhuận khác	40		(3.584.400.335)	(2.691.208.402)	(8.501.235.154)	(4.470.284.186)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		147.868.699.509	186.038.187.764	643.163.557.819	657.058.278.943
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	23.950.660.884	23.829.618.584	89.419.795.183	105.931.779.838
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		123.918.038.625	162.208.569.180	553.743.762.636	551.126.499.105

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Anh



Tổng Giám đốc

Phạm Trí Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ đầu năm đến cuối Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.650.702.200.973	2.941.025.068.750
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.863.716.638.597)	(1.596.022.684.738)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(131.343.076.088)	(113.801.606.105)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(26.426.838.451)	(23.101.615.908)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(199.809.506.909)	(142.775.370.138)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43.325.971.168	214.638.685.218
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(69.749.273.553)	(47.137.004.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		402.982.838.543	1.232.825.473.012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.613.258.470)	(18.609.564.544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		124.391.500	80.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.256.000.000.000)	(715.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.103.000.000.000	47.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		142.794.191.548	22.276.124.118
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.694.675.422)	(663.553.440.426)

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho giai đoạn tài chính từ đầu năm đến cuối Quý 3 năm 2025

B03a-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.610.943.371.611	990.941.013.972
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.244.547.094.110)	(1.217.518.905.786)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(322.948.889.450)	(322.729.457.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.447.388.051	(549.307.349.214)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		431.735.551.172	19.964.683.372
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.553.901.360.467	1.378.280.059.429
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.686.390.225	(6.099.579.699)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.987.323.301.864	1.392.145.163.102

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Anh

Tổng Giám đốc



Phạm Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 ngày 16 tháng 1 năm 2025.

Ngày 5 tháng 12 năm 2007, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội) với mã chứng khoán là VCS theo Quyết định Niêm yết số 670/QĐ-TTGDHN cho phép của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 653 (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 646 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 Công ty có một công ty con là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế ("Công ty Phenikaa Huế") (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1).

Công ty Phenikaa Huế là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3301601070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21 tháng 12 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 6 tháng 1 năm 2025. Công ty Phenikaa Huế có trụ sở chính tại Lô CN15 Khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, Phường Phong Dinh, TP Huế. Hoạt động chính của Công ty Phenikaa Huế là đầu tư và chế biến khoáng sản.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 6.2. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính Quý 3 Năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho trong kỳ và cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Tài sản cố định khác	5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 48 năm 7 tháng 19 ngày. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng liền kề theo hợp đồng lao động tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 Năm 2025

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

4. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	Đơn vị tính: VNĐ Đầu năm
Tiền mặt	1.874.926.403	2.152.810.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	382.248.375.461	313.648.550.178
Các khoản tương đương tiền	1.603.200.000.000	1.238.100.000.000
Tổng cộng	1.987.323.301.864	1.553.901.360.467

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

	Giá gốc	Cuối kỳ Giá trị ghi sổ	Đơn vị tính: VNĐ Đầu năm Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	868.000.000.000	868.000.000.000	670.000.000.000	670.000.000.000
Cộng	868.000.000.000	868.000.000.000	670.000.000.000	670.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,65% đến 6,2%/năm

b) Dài hạn**ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Tên đơn vị	Số cuối năm Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Số đầu năm Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Một thành viên đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%
Tổng cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đơn vị tính: VNĐ Đầu năm
Phải thu của khách hàng	447.719.119.548	540.769.019.156
Phải thu của các bên liên quan	858.985.388.356	725.817.729.204
Tổng cộng	1.306.704.507.904	1.266.586.748.360
Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng	(20.204.550.375)	(18.039.757.715)

4.4. Phải thu khác

	Cuối kỳ	Đơn vị tính: VNĐ Đầu năm
a) Ngắn hạn		
Phải thu khác của người lao động	451.461.027	479.727.536
Tạm ứng cho cán bộ CNV	984.795.333	1.042.343.974
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.466.095.891	3.982.191.781
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Tổng cộng	7.902.352.251	5.504.263.291
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	715.761.500	43.093.500
Tổng cộng	715.761.500	43.093.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

4.5. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VNĐ

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	375.942.204	-	52.128.123.350	-
Nguyên liệu, vật liệu	122.565.339.539	-	146.548.865.315	-
Công cụ, dụng cụ	52.120.498.383	-	61.682.129.820	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.312.952.550	-	47.113.271.984	-
Thành phẩm	401.565.046.783	(3.559.926.930)	348.194.998.226	(1.897.919.707)
Hàng hóa	<u>1.009.302.623.975</u>	<u>(57.295.161.733)</u>	<u>1.154.711.684.658</u>	<u>(35.776.529.915)</u>
Tổng cộng	<u>1.605.242.403.434</u>	<u>(60.855.088.663)</u>	<u>1.810.379.073.353</u>	<u>(37.674.449.622)</u>

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm	4.688.597.747	75.574.393.349
Xây dựng cơ bản dở dang	<u>557.014.417</u>	<u>1.265.699.818</u>
Tổng cộng	<u>5.245.612.164</u>	<u>76.840.093.167</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tài sản cố định hữu hình				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác
Nguyên giá					
Số đầu kỳ 01/07/2025	170.519.231.274	1.464.056.936.063	27.226.391.152	18.670.362.641	-
- Tăng trong kỳ	-	327.250.000	-	-	-
-ĐT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.327.165.881)	-	(2.327.165.881)
Số cuối kỳ 30/09/2025	170.519.231.274	1.464.384.186.063	24.899.225.271	18.670.362.641	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ 01/07/2025	160.134.279.067	1.097.585.218.610	25.954.770.915	18.547.135.571	-
- Khấu hao trong kỳ	1.508.074.691	22.319.313.440	205.054.978	32.532.426	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.327.165.881)	-	(2.327.165.881)
Số cuối kỳ 30/09/2025	161.642.353.758	1.119.904.532.050	23.832.660.012	18.579.667.997	-
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu kỳ 01/07/2025	10.384.952.207	366.471.717.453	1.271.620.237	123.227.070	-
- Tại ngày cuối kỳ 30/09/2025	8.876.877.516	344.479.654.013	1.066.565.259	90.694.644	-
					378.251.516.967
					354.513.791.432

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.	91.980.466.851	381.795.817.484	22.571.772.146	18.319.570.686	-	514.667.627.167
Tài sản cố định chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ 01/07/2025	30.521.537.247	38.000.000	30.559.537.247
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ 30/09/2025	30.521.537.247	38.000.000	30.559.537.247
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu kỳ 01/07/2025	29.469.426.612	38.000.000	29.507.426.612
- Hao mòn trong kỳ	174.414.063	-	174.414.063
Số cuối kỳ 30/09/2025	29.643.840.675	38.000.000	29.681.840.675
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu kỳ 01/07/2025	1.052.110.635	-	1.052.110.635
- Tại ngày cuối kỳ 30/09/2025	877.696.572	-	877.696.572

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng	28.428.568.497	38.000.000	28.466.568.497

4.9. Chi phí trả trước

Đơn vị tính: VND

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.315.585.292	764.646.007
Các khoản khác.	2.080.036.624	1.528.924.302
Tổng cộng	3.395.621.916	2.293.570.309
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	310.041.668	605.871.784
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.098.755.717	3.946.345.411
Tiền thuê đất trả trước	4.807.817.019	5.013.866.320
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.248.487.242	935.469.979
Tổng cộng	10.465.101.646	10.501.553.494

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

4.10. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	1.264.140.609.369	1.264.140.609.369	1.613.699.329.320	1.244.547.094.110	894.988.374.159	894.988.374.159	
Vay ngắn hạn	1.264.140.609.369	1.264.140.609.369	1.613.699.329.320	1.244.547.094.110	894.988.374.159	894.988.374.159	
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng	1.264.140.609.369	1.264.140.609.369	1.613.699.329.320	1.244.547.094.110	894.988.374.159	894.988.374.159	

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả cho người bán	72.622.561.994	72.622.561.994	118.425.130.911	118.425.130.911	
Phải trả cho các bên liên quan	36.086.651.917	36.086.651.917	9.901.500.155	9.901.500.155	
Tổng cộng	108.709.213.911	108.709.213.911	128.326.631.066	128.326.631.066	

4.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Đầu năm	Lũy kế từ đầu năm		Cuối kỳ
	01/01/2025	Số phải nộp	Số đã nộp	30/09/2025
Thuế GTGT	-	33.608.694.726	33.608.694.726	-
Thuế xuất, nhập khẩu	146.121.988	1.213.867.059	1.332.144.384	27.844.663
Thuế TNDN	99.798.722.909	100.010.784.000	199.809.506.909	-
Thuế TNCN	410.869.729	13.435.646.111	13.034.299.407	812.216.433
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	2.915.569.618	2.915.569.618	-
Tổng cộng	100.355.714.626	151.184.561.514	250.700.215.044	840.061.096

4.13. Phải trả khác

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	845.119.475	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	92.587.337	92.587.337
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.605.292.625	4.554.182.075
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	378.854.382	226.746.450
Tổng cộng	2.921.853.819	4.873.515.862

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

4.14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối		
Số dư đầu kỳ trước 01/04/2025	1.600.000.000.000	290.584.886	86.009.557.847	3.090.434.719.040	4.776.734.861.773	
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	282.646.241.335	282.646.241.335	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Trả cổ tức	-	-	-	(320.000.000.000)	(320.000.000.000)	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(15.999.306.817)	(15.999.306.817)	
- Giảm khác	-	-	(1.939.943.373)	-	(1.939.943.373)	
Số dư đầu kỳ này 01/07/2025	1.600.000.000.000	290.584.886	84.069.614.474	3.037.081.653.558	4.721.441.852.918	
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	123.918.038.625	123.918.038.625	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.269.044.714)	(2.269.044.714)	
- Giảm khác	-	-	(1.436.018.183)	-	(1.436.018.183)	
Số dư cuối kỳ này 30/09/2025	1.600.000.000.000	290.584.886	82.633.596.291	3.158.730.647.469	4.841.654.828.646	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	1.346.470.820.000	1.346.470.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	<u>253.529.180.000</u>	<u>253.529.180.000</u>
Tổng cộng	<u>1.600.000.000.000</u>	<u>1.600.000.000.000</u>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.600.000.000.000	1.600.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.600.000.000.000	1.600.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả	2.787.608.100	2.615.784.600
d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	160.000.000	160.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	160.000.000	160.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	160.000.000	160.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	160.000.000	160.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	160.000.000	160.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đ/CP	
e) Các quỹ của doanh nghiệp:	Cuối kỳ	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	82.633.596.291	87.711.466.023
4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi		Đơn vị tính: VNĐ
	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Số đầu kỳ	33.931.706.576	94.002.690.991
Trích quỹ trong kỳ	2.269.044.714	48.570.636
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(3.729.437.228)</u>	<u>(15.274.086.894)</u>
Số cuối kỳ	<u>32.471.314.062</u>	<u>78.777.174.733</u>
4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		Đơn vị tính: VNĐ
	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	7.854.013,85	6.584.246,84
Euro (EUR)	97.858,49	359.932,66
Dollar Canada (CAD)	5.304.409,33	4.786.315,78

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**5.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	894.731.194.111	881.709.968.765
Tổng cộng	894.731.194.111	881.709.968.765

b) Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Chiết khấu thương mại	1.383.062.187	1.681.573.727
Hàng bán bị trả lại	-	-
Tổng cộng	1.383.062.187	1.681.573.727

5.2. Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	692.222.359.521	671.309.114.277
Tổng cộng	692.222.359.521	671.309.114.277

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.747.869.080	15.295.553.435
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	35.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.230.273.403	927.030.341
Tổng cộng	28.978.142.483	51.222.583.776

5.4. Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Lãi tiền vay	11.421.096.839	7.122.836.279
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	258.176.999	205.531.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.845.115.398	12.072.778.676
Tổng cộng	15.524.389.236	19.401.146.719

5.5. Thu nhập khác

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	58.537.727	-
Các khoản khác.	62.663.942	271.081.996
Tổng cộng	121.201.669	271.081.996

5.6. Chi phí khác

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Các khoản khác.	3.705.602.004	2.962.290.398
Tổng cộng	3.705.602.004	2.962.290.398

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

5.7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	10.325.442.194	5.349.425.748
Chi phí vật liệu, dụng cụ	371.471.763	938.019.308
Chi phí khấu hao TSCĐ	245.810.638	736.975.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.625.320.665	2.290.870.472
Chi phí bằng tiền khác	1.310.262.981	1.534.728.337
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	88.406.744	298.855.147
Tổng cộng	14.966.714.985	11.148.874.131

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân viên bán hàng	5.616.628.556	3.226.128.486
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ	18.571.458.472	7.648.356.852
Chi phí khấu hao TSCĐ	237.953.580	291.762.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.130.163.703	26.578.696.291
Chi phí bằng tiền khác	2.603.506.510	2.917.503.032
Tổng cộng	48.159.710.821	40.662.447.521

5.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	713.997.794.199	644.399.726.424
Chi phí nhân công	40.625.830.592	21.979.136.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.626.795.518	23.602.543.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.243.497.010	35.456.668.628
Chi phí khác bằng tiền	1.897.347.915	1.459.318.234
Tổng cộng	810.391.265.234	726.897.393.370

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đơn vị tính: VNĐ

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	Quý 3.2025 23.950.660.884	Quý 3.2024 23.829.618.584
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.950.660.884	23.829.618.584

5.10. Doanh thu, giá vốn theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VNĐ

Thông tin về doanh thu và giá vốn của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Cho kỳ kế toán Quý 3 năm 2025

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	320.218.941.876	573.129.190.048	893.348.131.924
Giá vốn hàng bán			
Giá vốn bộ phận	295.986.996.114	395.273.897.832	691.260.893.946
Giá vốn không phân bổ			961.465.575
Lợi nhuận gộp			
Lợi nhuận gộp về bộ phận	24.231.945.762	177.855.292.216	202.087.237.978
Lợi nhuận gộp về bán hàng			201.125.772.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

6. Những thông tin khác**6.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****Các cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VNĐ Số đầu năm
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1-5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	282.763.688	452.421.900
Tổng cộng	1.413.818.438	1.583.476.650

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, KCN Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-LĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam trên một m² trên một năm.

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động

Công ty đã có các cam kết theo hợp đồng mua nguyên vật liệu phụ tùng với tổng giá trị khoảng 1,64 tỷ VNĐ để sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.2. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan của Công ty trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ báo cáo như sau**

Các bên liên quan có giao dịch và số dư công nợ với Công ty:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Công ty con
Công ty CP Style Stone	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty CP Chế tác đá Việt Nam	Công ty con cùng công ty mẹ
Stylenquaza LLC	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Trung tâm SEC G3	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty CP Công nghiệp Trần Long	Công ty con gián tiếp của công ty mẹ
Công ty CP Phenikaa - X	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần y học Vĩnh Thiện	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nam Hưng	Công ty con cùng công ty mẹ
Đại học Phenikaa	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty CP dịch vụ và giải pháp công nghệ giáo dục PHX	Công ty con cùng công ty mẹ
Benaa Surfaces LLC	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Vicostone Australia PTY LTD	Công ty con cùng công ty mẹ

Ngoài các Công ty trên, Công ty còn có các bên liên quan khác, cụ thể đã được trình bày trong "Báo cáo tình hình quản trị Công ty" 6 tháng đầu năm 2025 công bố thông tin đại chúng ngày 29 tháng 7 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

b. Những giao dịch trọng yếu của công ty với các bên liên quan trong kỳ

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Quý 3.2025</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
			<i>Quý 3.2024</i>
Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Doanh thu bán hàng	177.857.392.641	136.940.995.862
	Mua hàng hóa, dịch vụ	248.083.469.253	127.242.668.616
Công ty CP StyleStone	Doanh thu bán hàng	31.072.423.847	8.653.607.501
	Mua hàng hóa, dịch vụ	137.279.463.575	52.635.685.622
Công ty CP Chế Tác Đá Việt Nam	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.966.165.060	55.855.608.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	83.208.981.897	102.564.224.401
Stylenquaza LLC	Doanh thu bán hàng	80.460.823.581	170.567.642.865
Công ty CP Trung tâm SEC G3	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.677.250.100	1.751.536.765
Công ty CP Công nghiệp Trần Long	Doanh thu bán hàng	23.377.301.690	24.788.038.465
	Mua hàng hóa, dịch vụ	23.431.527.894	27.580.603.980
Công ty TNHH MTV đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Doanh thu bán hàng	1.489.735.300	120.000.000
	Mua hàng hóa	44.199.620.000	24.793.756.000
	Lợi nhuận được chia	90.000.000.000	35.000.000.000
	Lãi vay phải thu	-	669.205.479
Bena Surfaces LLC	Doanh thu bán hàng	38.227.553.896	-
Công ty Cổ phần Nam Hưng	Doanh thu bán hàng	3.505.941.450	-
Công ty Cổ phần y học Vĩnh Thiện	Doanh thu bán hàng	-	10.002.215.868
Vicostone Australia PTY LTD	Doanh thu bán hàng	25.402.042.393	-

c. Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Phải thu tiền bán hàng	108.798.228.240	16.516.986.178
Stylenquaza LLC	Phải thu tiền bán hàng	295.495.284.384	290.829.375.521
Công ty CP Chế Tác Đá Việt Nam	Phải thu tiền bán hàng	231.008.146.000	284.957.231.743
Công ty CP Công Nghiệp Trần Long	Phải thu tiền bán hàng	82.050.973.890	90.117.521.868
Công ty TNHH MTV đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Phải thu tiền bán hàng	-	548.841.701
Đại học Phenikaa	Phải thu tiền bán hàng	-	3.031.560.000
Bena Surfaces LLC	Phải thu tiền bán hàng	91.284.107.984	-
Công ty Cổ phần Nam Hưng	Phải thu tiền bán hàng	3.786.416.766	-
Công ty Cổ phần y học Vĩnh Thiện	Phải thu tiền bán hàng	20.658.857.424	39.816.212.193
Vicostone Australia PTY LTD	Phải thu tiền bán hàng	25.903.373.668	-
Tổng cộng		858.985.388.356	725.817.729.204

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

Trả trước cho người bán

Công ty CP dịch vụ và giải pháp công nghệ giáo dục PHX	Trả trước tiền mua hàng	86.631.600	-
Công ty CP Phenikaa - X	Trả trước tiền mua hàng	2.636.768.235	-
Tổng cộng		2.723.399.835	-

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Phải trả tiền mua hàng	5.759.695.758	7.239.765.751
Công ty CP Style Stone	Phải trả tiền mua hàng	4.016.288.472	796.673.862
Công ty CP Trung tâm SEC G3	Phải trả tiền mua hàng	1.473.237.733	1.318.244.042
Công ty TNHH MTV đầu tư và chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Phải trả tiền mua hàng	24.522.381.954	-
Công ty Cổ phần Y học Vĩnh Thiện	Phải trả tiền dịch vụ	-	546.816.500
Tổng cộng		35.771.603.917	9.901.500.155

d. Các giao dịch với các bên liên quan khác

Đơn vị tính: VNĐ

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong Quý 3 năm 2025:

Tên	Chức vụ	Quý 3.2025	Quý 3.2024
Ông Phạm Trí Dũng	Tổng Giám đốc	861.032.500	710.681.500
	Thành viên HĐQT		
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc	768.369.999	662.351.000
Ông Nguyễn Chí Công	Phó Tổng Giám đốc	589.922.500	569.753.000
Ông Đồng Quang Thức	Phó Tổng Giám đốc	532.004.860	479.994.506
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc	634.721.380	597.076.588
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	560.483.420	-
Tổng		3.946.534.659	3.019.856.594

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho Quý 3 năm 2025

6.3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Anh



Tổng Giám đốc



Phạm Trí Dũng